

Số: 519 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 4117/QĐ-BVHTTDL ngày 02/11/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; số 4246/QĐ-BVHTTDL ngày 15/11/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; số 4349/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; số 4350/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; số 4602/QĐ-BVHTTDL ngày 17/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; 4603/QĐ-BVHTTDL ngày 17/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và số 4936/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 15/TTr-SVHTTDL ngày 01/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục: 06 (sáu) thủ tục hành chính mới ban hành; 07 (bảy) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình và số 2893/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Yến*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC *ds*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Xuyên

Phạm Văn Xuyên

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH THÁI BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 Nhà Triển lãm Thông tin tỉnh, Khu vực Quảng trường 14/10, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình)	Không	Quyết định số 4602/QĐ-BVHTTDL ngày 17/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	Quyết định số 4350/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	Quyết định số 4349/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	Quyết định số 4349/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 Nhà Triển lãm Thông tin tỉnh, Khu vực Quảng trường 14/10, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình)	Không	Quyết định số 4349/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
6	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	Quyết định số 4603/QĐ-BVHTTDL ngày 17/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
1	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Thủ tục số 06 Phụ lục Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức thực hiện - Yêu cầu, điều kiện - Căn cứ pháp lý 	Quyết định số 4117/QĐ-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Thủ tục số 09 Phụ lục Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện - Cách thức thực hiện - Thành phần hồ sơ - Yêu cầu, điều kiện - Căn cứ pháp lý 	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (Thủ tục số 13 Phụ lục Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện - Cách thức thực hiện - Thành phần hồ sơ - Thời hạn giải quyết - Yêu cầu, điều kiện - Căn cứ pháp lý 	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (Thủ tục số 14 Phụ lục Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện - Cách thức thực hiện - Thành phần hồ sơ - Thời hạn giải quyết - Căn cứ pháp lý 	

5	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke (<i>Thủ tục số 31 Phụ lục Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức thực hiện - Yêu cầu, điều kiện - Căn cứ pháp lý 	Quyết định số 4246/QĐ-BVHTTDL ngày 15/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
6	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (<i>Thủ tục số 32 Phụ lục Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức thực hiện - Yêu cầu, điều kiện - Căn cứ pháp lý. 	Quyết định số 4936/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
7	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh (<i>Thủ tục số 06, Phần 1 Phụ lục Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện - Cách thức thực hiện - Thành phần hồ sơ - Thời hạn giải quyết - Đối tượng thực hiện - Cơ quan thực hiện - Căn cứ pháp lý 	Quyết định số 4936/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

PHẦN II: NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Thủ tục 1: Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn Doanh nghiệp hoàn thiện bổ sung.

Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định, trình Lãnh đạo Sở duyệt. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được ủy quyền trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 kèm theo);

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (Mẫu số 03 kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sàn tập luyện có kích thước từ 20m x10m trở lên; bằng phẳng, không trơn trượt.

2. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên.

3. Có chỗ gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện.

5. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

6. Trang thiết bị tập luyện:

a) Bộ giáp vải (chịu lực 350N trở lên), áo giáp con (chịu lực 350N trở lên), mặt nạ (chịu lực 350N trở lên), áo giáp điện (đối với kiếm chém và kiếm liễu), găng tay, giày, bít tất;

b) Kiếm tập (bao gồm: Kiếm chém, kiếm liễu và kiếm ba cạnh).

Việc quản lý, sử dụng kiếm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất thi đấu:

a) Thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 phần (1) nêu trên.

b) Đường thi đấu được làm bằng hợp kim có kích thước chiều dài từ 17m đến 18m và chiều rộng từ 1,5m đến 2,0m.

2. Trang thiết bị thi đấu:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a mục 6 phần (1) nêu trên.

b) Kiểm thi đấu, dây điện mặt nạ, dây điện trên người.

(3) Nhân viên chuyên môn

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007;

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Quyết định số 4602/QĐ-BVHTTDL, ngày 17/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy
quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:
cấp ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
.....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
..... Ngày cấp: / / Nơi cấp:
.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh
doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh

doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):
.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:
.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Thủ tục 2: Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn Doanh nghiệp hoàn thiện bổ sung.

Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định, trình Lãnh đạo Sở duyệt. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được ủy quyền trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 kèm theo);

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (Mẫu số 03 kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với leo núi nhân tạo

1. Tường leo

a) Tường leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 4,5m khi tổ chức tập luyện;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 8m khi tổ chức giải thi đấu cấp tỉnh, thành phố, câu lạc bộ;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 12m khi tổ chức giải thi đấu quốc gia.

b) Tường leo đối với leo khối đá:

- Chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m trở xuống: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m đến 4,5m: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

2. Mấu bám trên tường leo bảo đảm không bị lỏng hoặc xoay vặn và theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi quốc tế.

3. Khung kết cấu tường leo bảo đảm chịu được tải trọng của toàn bộ tường leo và lực tác động của người leo.

4. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu.

5. Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập.

(2) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với Leo núi tự nhiên

1. Vách leo

a) Vách leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

Các tuyến leo được cố định sẵn trên vách leo, các chốt an toàn được lắp đặt theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi Quốc tế.

b) Vách leo đối với leo khối đá:

- Bảo đảm chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất được đặt trên địa hình bằng phẳng;

- Đối với độ cao từ 3m trở xuống: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với độ cao từ 3m đến 4,5m: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

3. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu và bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực leo. Nội dung bảng chỉ dẫn quy định về bản đồ khu vực leo, vạch giới hạn khu vực leo, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý leo và cách thức liên lạc khi cần thiết.

(3) Trang thiết bị tập luyện và thi đấu

1. Có giày leo núi chuyên dụng, dây leo núi, đai bảo hiểm, móc leo, thiết bị hãm, móc khóa carabiner, mũ bảo hiểm chuyên dụng, túi phấn, dây phụ trợ tùy theo loại hình leo núi. Các thiết bị leo núi phải đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn leo núi quốc tế.

2. Bảo đảm thông tin liên lạc giữa người tập leo núi, người hướng dẫn tập luyện với bộ phận điều hành tại địa điểm tập luyện, thi đấu và cơ sở y tế.

(4) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 15 người trong 01 giờ học.

2. Có nhân viên cứu hộ thường trực, bảo đảm 15 người tập có 01 nhân viên cứu hộ.

(5) Nhân viên chuyên môn

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007.

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/12/2018.

- Quyết định số 4350/QĐ-BVHTTDL, ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy
quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:
cấp ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

.....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
..... Ngày cấp: / / Nơi cấp:

.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh
doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh

doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh,
thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể
hoạt động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị
cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn
theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của
Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6
của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp
ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b
khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01
tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể
thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Thủ tục 3: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn Doanh nghiệp hoàn thiện bổ sung.

Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định, trình Lãnh đạo Sở duyệt. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được ủy quyền trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 kèm theo);

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (Mẫu số 03 kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện:

1. Sân bóng rổ

a) Sân bóng rổ có chiều dài ít nhất là 28m và chiều rộng ít nhất là 15m;

b) Mặt sân bóng rổ phẳng, cứng, không trơn trượt và không có chướng ngại vật;

c) Đối với sân bóng rổ ngoài trời, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân cách đường biên dọc của sân ít nhất là 2m và cách đường biên ngang của sân ít nhất là 5m. Trường hợp sân bóng rổ ngoài trời liền kề nhà ở, trường học, công trình công cộng hoặc đường giao thông, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân bóng rổ cao ít nhất là 3m;

d) Đối với sân bóng rổ trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m; tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa.

2. Bộ cột rổ

a) Cột và vành rổ được làm bằng kim loại;

b) Bảng rổ được làm bằng nhựa tổng hợp hoặc bằng gỗ;

c) Lưới rổ được làm bằng sợi nylon;

d) Khoảng cách tính từ mép trên của vành rổ xuống mặt sân bóng rổ theo chiều thẳng đứng là 3,050m đối với người tập trên 12 tuổi hoặc ít hơn 3,050m đối với người tập từ 12 tuổi trở xuống.

3. Quả bóng rổ

a) Quả bóng rổ phải được sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu bóng rổ;

b) Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 (một) quả bóng rổ.

4. Độ chiếu sáng bảo đảm trên sân ít nhất là 300 lux.

5. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có nơi thay đồ, cất giữ đồ và có khu vệ sinh.

6. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; trang phục, trang thiết bị khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn trong tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu môn Bóng rổ được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2, 4, 5 và điểm a mục 3 phần (1) nêu trên.

2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện được bảo đảm ít nhất 10m²/người.

(4) Nhân viên chuyên môn

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.
- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007;
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007;
- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018;
- Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. Có hiệu lực từ ngày 01/12/2018;
- Quyết định số 4350/QĐ-BVHTTDL ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy
quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:
cấp ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
.....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
..... Ngày cấp: / / Nơi cấp:
.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh
doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh

doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy
quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):
.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể
hoạt động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị
cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn
theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của
Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6
của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp
ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b
khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01
tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể
thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Thủ tục 4: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn Doanh nghiệp hoàn thiện bổ sung.

Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định, trình Lãnh đạo Sở duyệt. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được ủy quyền trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 kèm theo);

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (Mẫu số 03 kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện:

1. Sân bóng ném

a) Sân bóng ném có chiều dài là 44m và chiều rộng là 22m;

b) Mặt sân bóng ném phẳng, không có độ dốc, không trơn trượt;

c) Tường bao quanh sân bóng ném cách đường biên dọc ít nhất là 1m; cách đường cuối sân ít nhất là 2m;

d) Đối với sân bóng ném trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m.

2. Cầu môn có chiều cao là 2m, chiều rộng là 3m tính từ mép trong của cầu môn; cạnh của cột cầu môn có chiều rộng là 8cm.

3. Lưới cầu môn và lưới chắn bóng:

a) Lưới cầu môn và lưới chắn bóng có màu sẫm, kích thước các mắt lưới không quá 10cm x 10cm;

b) Phía sau khung thành và cách đường khung thành 1,5m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 9m đến 14m và có chiều cao ít nhất là 5m tính từ mặt sân. Đối với sân ngoài trời không có tường bao, phía sau đường biên dọc và cách đường biên dọc 1m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 28m đến 34m và có chiều cao ít nhất là 4m tính từ mặt sân.

4. Quả bóng

a) Bóng sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu Bóng ném;

b) Bảo đảm ít nhất 01 người/1quả bóng.

5. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên.

6. Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

7. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Bóng ném được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 và 3, điểm a mục 4, mục 5 và mục 6 phần (1) nêu trên.

2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 10m²/1 người.

(4) Nhân viên chuyên môn

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.
- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007;
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007;
- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018;
- Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném. Có hiệu lực từ ngày 30/10/2018;
- Quyết định số 4349/QĐ-BVHTTDL, ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:
cấp ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
.....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
..... Ngày cấp: / / Nơi cấp:
.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy
quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):
.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể
hoạt động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị
cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn
theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của
Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6
của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp
ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b
khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01
tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể
thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Thủ tục 5: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn Doanh nghiệp hoàn thiện bổ sung.

Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định, trình Lãnh đạo Sở duyệt. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ra quyết định cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện hoặc cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được ủy quyền trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 kèm theo);

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (Mẫu số 03 kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân tập, sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên đối với nội dung đối kháng (Sanshou) và 80 m² trở lên đối với nội dung quyền (Taolu).

2. Độ chiếu sáng sân tập, sàn tập bảo đảm từ 200 lux trở lên.

3. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có khu vực thay đồ, tủ gửi đồ, nhà vệ sinh.

5. Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

6. Có trang thiết bị tập luyện gồm:

a) Thảm tập có độ dày ít nhất là 2cm và có tính đàn hồi;

b) Võ phục, găng, giáp, mũ, kuki trong nội dung đối kháng;

c) Võ phục, các loại vũ khí thể thao thô sơ: Kiếm, đao, côn, thương đối với các bài quyền như Kiếm thuật, Đao thuật, Côn thuật, Thương thuật, Nam đao, Nam côn, Thái cực kiếm trong nội dung quyền.

Việc đăng ký, sử dụng kiếm, đao, côn, thương thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

7. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu:

1. Thực hiện quy định tại các mục 2, 3, 4 phần (1) nêu trên.

2. Sàn thi đấu:

a) Đối với nội dung Taolu: Thảm đấu có tính đàn hồi, kích thước 18m x 12m x 0,1m;

b) Đối với nội dung Sanshou: Đài thi đấu có diện tích 8m x 8m, cao 0,8m, có đệm bảo vệ xung quanh.

3. Trang thiết bị thi đấu:

a) Thực hiện quy định tại điểm b, c mục 6 phần (1) nêu trên;

b) Đối với nội dung Taolu: Có bảng công bố điểm;

c) Đối với nội dung Sanshou: Có cân trọng lượng cơ thể võ sinh.

(3) Mật độ tập luyện:

1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 3m²/01 võ sinh.

2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn :

a) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp:

- Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

- Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ.

- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007.

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu. Có hiệu lực từ ngày 15/11/2018.

- Quyết định số 4349/QĐ-BVHTTDL, ngày 26/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao)
tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy
quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:
cấp ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
.....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
..... Ngày cấp: / / Nơi cấp:
.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh
doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh

doanh) theo quy định tại Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh,
thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể
hoạt động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị
cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn
theo quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của
Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6
của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp
ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b
khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01
tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể
thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Thủ tục 6 : Công nhận khu du lịch cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức sở hữu, quản lý khu du lịch thực hiện thủ tục hành chính cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi và viết giấy hẹn thời gian trả kết quả
- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho doanh nghiệp hoàn thiện bổ sung

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hội đồng thẩm định, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

Bước 3: Tổ chức nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

(2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công nhận khu DL

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.

(2) Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm:

a) Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch;

b) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm;

c) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan;

d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

(3) Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.

(4) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn;

b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch;

c) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;

đ) Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý rác thải; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoặc hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;

e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/02/2018.

- Quyết định số 4603/QĐ-BVHTTDL, ngày 17/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Thủ tục 1: Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét hồ sơ cấp chứng chỉ. Trường hợp không cấp chứng chỉ phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (mẫu 4- Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ);

(2) Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan;

(3) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo về di sản văn hóa, lịch sử (khảo cổ học, văn hóa học), mỹ thuật, Hán Nôm, dân tộc học, cổ nhân học, cổ sinh vật học (động vật, thực vật), địa chất hoặc là thành viên của tổ chức xã hội – nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành đào tạo nêu trên và đã thực hiện hoạt động sưu tầm cổ vật.

- Không đang trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc làm công việc có liên quan đến di sản văn hóa theo quyết định của tòa án, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị quản chế hình sự hoặc quản chế hành chính;

- Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong ngành di sản văn hóa không được phép mở cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012;

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 17/3/2004;

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Quyết định số 4117/QĐ-BVHTTDL, ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

Thủ tục 2: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, *đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị (Mẫu số 01- Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh);

(2) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;

(3) Danh sách kèm theo lý lịch khoa học theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016 và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia;

(4) Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia;

(5) Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;

- Lý lịch khoa học của chuyên gia giám định cổ vật (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật phải bảo đảm các điều kiện sau:

(1) Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.

(2) Có ít nhất 03 chuyên gia giám định cổ vật về các chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;

- Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- *Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.*

- *Quyết định số 4117/QĐ-BVHTTDL, ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

**Mẫu: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện
kinh doanh giám định cổ vật**

**TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình

- 1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật** (viết bằng chữ in hoa):
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

- 2. Người đại diện theo pháp luật:**
 - Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):
 - Năm sinh:
 - Chức danh:
 - Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp

Căn cứ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên cơ sở giám định cổ vật) trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

- 3. Hồ sơ gửi kèm:**
 -
 -
 -

- 4. Cam kết:**

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên,
chức vụ người ký)*

Mẫu Lý lịch khoa học của chuyên gia giám định cổ vật

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày tháng năm

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên:; Năm sinh:; Giới tính:...

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số.....

ngày cấp// nơi cấp.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:.....

2. Học hàm, học vị:

- Học hàm (giáo sư, phó giáo sư):

- Học vị (tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân,):

3. Quá trình công tác:

- Từ năm đến năm (làm việc ở đâu):

- Từ năm đến năm (làm việc ở đâu):

4. Kinh nghiệm chuyên môn về giám định cổ vật:

a) Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giám định cổ vật:

b) Một số công trình/dự án đã thực hiện liên quan đến giám định cổ vật:

5. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung khai;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT

*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên,
chức vụ người ký)*

Thái Bình, ngày tháng năm
NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tục 3 : Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra và bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ "dichvucong.thaibinh.gov.vn".

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

(2) Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016 kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

- Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

- Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

- Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

- Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

(3) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) được cấp cho tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với từng trường hợp cụ thể sau:

1. Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

2. Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

3. Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

4. Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018;

- Quyết định số 4117/QĐ-BVHTTDL, ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

**Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện
hành nghề tu bổ di tích**

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình

1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên tổ chức) trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề):.....

3. Cam kết: (tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu)

Thủ tục 4 : Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

(2) Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao:

- Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bỏ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Bỏ sung nội dung hành nghề;

b) Hết hạn sử dụng;

c) Bị mất hoặc bị hỏng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;

- Nghị định số 61/2016/ NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016;

- *Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018;*

- *Quyết định số 4117/QĐ-BVHTTDL, ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.*

** Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

**Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
hành nghề tu bổ di tích**

TÊN TỔ CHỨC

*(đối với trường hợp tổ chức yêu
cầu cấp lại Giấy chứng nhận hành
nghề)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình

1. Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ**

*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký,
đóng dấu đối với tổ chức)*

Thủ tục 5: Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; Trường hợp không cấp giấy phép Sở VH-TT-DL trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí:

- Tại Thành phố Thái Bình:

+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 6.000.000 đồng/giấy;

+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 12.000.000 đồng/giấy.

Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.

- Tại các khu vực khác:

+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 3.000.000 đồng/giấy;

+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 6.000.000 đồng/giấy.

Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (mẫu 3 kèm theo)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về phòng, chống cháy nổ.

- Không được đặt khoá, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó các hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012;

- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;

- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2011;

- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT ngày 05/8/1999. Có hiệu lực từ ngày 15/6/2012;

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, kinh doanh vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018;

- Quyết định số 4246/QĐ-BVHTTDL, ngày 15/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

Mẫu 3: Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Karaoke

**TÊN TỔ CHỨC TỔ
CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép kinh doanh karaoke

Kính gửi: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (viết bằng chữ in hoa có dấu):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Ngày cấp: .../...../...201 nơi cấp

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

- Địa chỉ kinh doanh:.....

- Tên nhà hàng karaoke (nếu có):.....

- Số lượng phòng karaoke:

- Diện tích cụ thể từng phòng

3. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

Thủ tục 6 : Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khách sạn, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện bổ sung.

Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép Sở VH-TT-DL trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (mẫu 4 Phụ lục ban hành kèm theo thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch);

(2) Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí:

- Tại Thành phố Thái Bình: Mức thu lệ phí là 15.000.000đồng/giấy.

- Tại các khu vực khác: Mức thu lệ phí là 10.000.000đồng/giấy

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (mẫu 4 kèm theo)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ 80m² trở lên, cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính Nhà nước từ 200m trở lên, bảo đảm các điều kiện về phòng chống cháy nổ.

- Trang thiết bị, phương tiện hoạt động của phòng khiêu vũ bảo đảm chất lượng âm thanh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012.

- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2011.

- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT ngày 05/8/1999. Có hiệu lực từ ngày 15/6/2012.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, kinh doanh vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09/10/2018.

- Quyết định số 4246/QĐ-BVHTTDL, ngày 15/11/2018 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

** Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

Mẫu 4: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình.

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép *(viết bằng chữ in hoa có dấu):..*

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngày cấp.....nơi cấp
..... *(đối với doanh nghiệp)*

2. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Năm sinh:

- Chức danh:

- Giấy CMND: Số ngày cấp//..... nơi cấp

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

- Địa chỉ kinh doanh:.....

- Số lượng phòng khiêu vũ:

- Diện tích cụ thể từng phòng khiêu vũ.....

4. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC, ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ tục 7: Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức thực hiện TTHC cần chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhận hồ sơ, vào sổ theo dõi, viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức hoàn thiện bổ sung.

Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định, trình Lãnh đạo Sở duyệt. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thể thao. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức nhận kết quả theo giấy hẹn.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh.

Nộp qua mạng điện tử tại địa chỉ “dichvucong.thaibinh.gov.vn”.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức;

(2) Điều lệ giải thể thao;

(3) Chương trình thi đấu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được ủy quyền trực tiếp thực hiện TTHC: Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

8. Phí, lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

- Quyết định số 4936/QĐ-BVHTTDL, ngày 28/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thể dục, thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung